

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**

**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

**Phòng thi:** B1.403

**Môn thi:** Kỹ năng nghe

**Ca thi:** 9h30

**Ngày thi:** 23/02/2022

| TT | SBD    | Họ             | Tên   | Năm sinh   | Số tờ | Ký tên | Ghi chú |
|----|--------|----------------|-------|------------|-------|--------|---------|
| 1  | TA0066 | NGUYỄN VĂN     | HOÀNG | 16/08/1999 |       |        |         |
| 2  | TA0067 | ĐOÀN THU H     | HÔNG  | 10/02/2000 |       |        |         |
| 3  | TA0068 | ĐẶNG VĂN       | HUẤN  | 18/08/1999 |       |        |         |
| 4  | TA0069 | NGUYỄN THỊ     | HUỆ   | 13/05/1999 |       |        |         |
| 5  | TA0070 | TRẦN MẠNH      | HÙNG  | 23/03/1999 |       |        |         |
| 6  | TA0071 | NGUYỄN ĐỨC     | HÙNG  | 28/01/1999 |       |        |         |
| 7  | TA0072 | NGUYỄN QUỐC    | HÙNG  | 29/05/1993 |       |        |         |
| 8  | TA0073 | NGUYỄN ĐỨC     | HÙNG  | 08/10/1999 |       |        |         |
| 9  | TA0074 | TRẦN NGỌC      | HÙNG  | 12/08/1999 |       |        |         |
| 10 | TA0075 | NGUYỄN VĂN     | HÙNG  | 10/06/1999 |       |        |         |
| 11 | TA0076 | NGUYỄN QUỐC    | HÙNG  | 30/12/1997 |       |        |         |
| 12 | TA0077 | VŨ THỊ         | HƯƠNG | 29/06/1999 |       |        |         |
| 13 | TA0078 | PHẠM THỊ THU   | HƯƠNG | 24/07/1999 |       |        |         |
| 14 | TA0079 | PHẠM LÊ QUỐC   | HỮU   | 30/10/1999 |       |        |         |
| 15 | TA0080 | PHẠM ĐĂNG      | HUY   | 22/09/1999 |       |        |         |
| 16 | TA0081 | PHẠM QUANG     | HUY   | 11/11/1999 |       |        |         |
| 17 | TA0082 | LÊ THỊ         | HUYỀN | 18/09/1999 |       |        |         |
| 18 | TA0083 | ĐẠI NGỌC       | HUYỀN | 10/02/1999 |       |        |         |
| 19 | TA0084 | TRẦN THỊ KHÁNH | HUYỀN | 09/04/1999 |       |        |         |
| 20 | TA0085 | QUÁCH THỊ      | HUYỀN | 12/08/1999 |       |        |         |
| 21 | TA0086 | NGUYỄN ĐỨC     | KHÁNH | 23/12/1999 |       |        |         |
| 22 | TA0087 | THÂN TRỌNG     | KHÁNH | 30/09/1999 |       |        |         |
| 23 | TA0088 | NGUYỄN NGỌC    | LÂM   | 08/12/1999 |       |        |         |
| 24 | TA0089 | PHẠM TÙNG      | LÂM   | 02/08/1999 |       |        |         |

|    |        |               |      |            |  |  |  |
|----|--------|---------------|------|------------|--|--|--|
| 25 | TA0090 | NGUYỄN THUY   | LINH | 24/09/1999 |  |  |  |
| 26 | TA0091 | TRẦN NGỌC     | LINH | 11/11/1999 |  |  |  |
| 27 | TA0092 | ĐỖ NHẬT       | LINH | 26/09/1995 |  |  |  |
| 28 | TA0093 | NGUYỄN THUY   | LINH | 22/08/1999 |  |  |  |
| 29 | TA0094 | CAO ĐĂNG      | LONG | 22/09/1999 |  |  |  |
| 30 | TA0095 | NGUYỄN SỸ     | LUÂN | 01/03/1999 |  |  |  |
| 31 | TA0096 | ĐỖ VĂN        | LUẬT | 29/03/1999 |  |  |  |
| 32 | TA0097 | NGUYỄN THẢO   | LY   | 01/01/1999 |  |  |  |
| 33 | TA0098 | DƯƠNG THỊ HOA | MAI  | 11/03/1994 |  |  |  |
| 34 | TA0099 | ĐẶNG HÙNG     | MẠNH | 28/09/1999 |  |  |  |
| 35 | TA0100 | NGUYỄN VĂN    | MẠNH | 17/08/1999 |  |  |  |

Tổng số thí sinh theo danh sách: .....
 Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....
 Tổng số tờ giấy thi:.....

**Cán bộ coi thi thứ nhất**  
*(ký ghi rõ họ tên)*

**Cán bộ coi thi thứ hai**  
*(ký ghi rõ họ tên)*